

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1824 /SGDĐT-TrH

Hải Phòng, ngày 25 tháng 8 năm 2021

V/v triển khai thực hiện chương trình
giáo dục trung học năm học 2021-2022.

Kính gửi:

- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo các quận, huyện;
- Hiệu trưởng các trường Trung học phổ thông;
- Hiệu trưởng các trường Phổ thông nhiều cấp học.

Căn cứ Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là *Chương trình giáo dục phổ thông 2006*);

Căn cứ Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là *Chương trình giáo dục phổ thông 2018*);

Căn cứ Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT;

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông (gọi tắt là *Thông tư 22*);

Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là *Thông tư 26*);

Căn cứ Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2021 - 2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng;

Căn cứ văn bản số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022.

Tiếp theo văn bản số 2574/SGDĐT-TrH ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học, kiểm tra đánh giá và tổ chức dạy học trực tuyến từ năm học 2020-2021.

Năm học 2021-2022, các cơ sở giáo dục trung học thực hiện đồng thời *Chương*



trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 6 và Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với các lớp từ lớp 7 đến lớp 12. Để thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện một số nội dung sau:

I. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

1. Đối với lớp 6:

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (Công văn 5512); các phụ lục kèm theo Công văn 5512 được sử dụng để tham khảo trong việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy (giáo án).

- Quy định về đánh giá học sinh lớp 6 theo Thông tư 22.

2. Đối với các lớp từ lớp 7 đến lớp 12:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tiễn, đáp ứng yêu cầu thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo viên trong việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn, kế hoạch bài dạy (giáo án) của giáo viên (hoàn thiện kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn, kế hoạch bài dạy (giáo án) đã được xây dựng và thực hiện từ các năm học trước).

- Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông từ lớp 7 đến lớp 12 theo Thông tư 26.

3. Lưu ý: Đối với lớp 9, các tổ/ nhóm nghiên cứu, chủ động, linh hoạt triển khai điều chỉnh nội dung dạy học các chương trình môn học lớp 9 trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành đáp ứng yêu cầu học lớp 10 chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Tham khảo tại Phụ lục: 01 đính kèm).

II. Tổ chức dạy học các môn học và hoạt động giáo dục lớp 6

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo hướng mở, trong đó quy định tổng số tiết trong một năm học cho mỗi môn học, hoạt động giáo dục. Nhà trường chủ động bố trí thời gian triển khai kế hoạch giáo dục các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; lưu ý việc tổ chức triển khai kế hoạch giáo dục một số môn học, hoạt động giáo dục: Môn Lịch sử và Địa lí; Môn Khoa học tự nhiên; Nội dung giáo dục của địa phương; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (theo Phụ lục: 02 đính kèm).

III. Nhiệm vụ triển khai thực hiện văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo quận/ huyện:

+ Chỉ đạo các trường THCS trên địa bàn triển khai thực hiện.

+ Giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục trung học xây dựng và thực hiện

N. VI
JC
TẠO
AI P

kế hoạch giáo dục nhà trường, tạo điều kiện cho các trường được linh hoạt áp dụng các hình thức tổ chức giáo dục, các phương pháp dạy học tiên tiến, kế hoạch kiểm tra mà không bị áp đặt.

+ Các hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra phải dựa trên kế hoạch giáo dục các nhà trường THCS đã xây dựng;

- Các trường THPT trường Phổ thông nhiều cấp học, cần tiến hành triển khai khẩn trương, nghiêm túc các nội dung trên.

Sở GDĐT đề nghị các cơ sở nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc cần báo cáo kịp thời về Sở GDĐT (qua phòng Giáo dục Trung học) để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: GDTrH, VT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Văn Lợi





HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN LỚP 6

Thực hiện từ năm học 2021 – 2022

(Kèm theo Quyết định số 129/QĐ-SGDĐT-GDTrH ngày 25/8/2021 của Sở GD&ĐT HP)

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hoạt động giáo dục bắt buộc trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho cấp THCS năm học 2021-2022 như sau:

1. Chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

1.1. Đặc điểm

- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN) là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai.

1.2. Mục tiêu

- Mục tiêu chung: ngoài mục tiêu góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, HĐTN, HN hình thành, phát triển ở học sinh năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp; giúp học sinh khám phá bản thân và thế giới xung quanh, phát triển đời sống tâm hồn phong phú, biết rung cảm trước cái đẹp của thiên nhiên và tình người, có quan niệm sống và ứng xử đúng đắn.

- Mục tiêu cấp Trung học cơ sở: giúp học sinh củng cố thói quen tích cực, nề nếp trong học tập và sinh hoạt, hành vi giao tiếp ứng xử có văn hoá và tập trung hơn vào phát triển trách nhiệm cá nhân: trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với gia đình, cộng đồng; hình thành các giá trị của cá nhân theo chuẩn mực chung của xã hội; hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong cuộc sống; biết tổ chức công việc một cách khoa học; có hứng thú, hiểu biết về một số lĩnh vực nghề nghiệp, có ý thức rèn luyện những phẩm chất cần thiết của người lao động và lập được kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với định hướng nghề nghiệp khi kết thúc giai đoạn giáo dục cơ bản.

1.3. Nội dung và yêu cầu cần đạt

- Nội dung khái quát gồm 4 mạch nội dung hoạt động, mỗi mạch nội dung bao gồm các hoạt động cụ thể như sau:

+ Hoạt động hướng vào bản thân: hoạt động khám phá bản thân, hoạt động rèn luyện bản thân;

+ Hoạt động hướng đến xã hội: hoạt động chăm sóc gia đình, hoạt động xây dựng nhà trường, hoạt động xây dựng cộng đồng;

+ Hoạt động hướng đến tự nhiên: hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường;

+ Hoạt động hướng nghiệp: hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp; hoạt động rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp; hoạt động lựa chọn hướng nghiệp và lập kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp.

- Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp: mỗi lớp đều có những yêu cầu cần đạt cho từng hoạt động cụ thể của từng mạch nội dung nêu trên.

- Các yêu cầu cần đạt tương ứng với các nội dung hoạt động cụ thể của lớp 6 được thể hiện trong *Phụ lục 1 đính kèm*.

- Chương trình HĐTN, HN sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của người học với 3 mức độ: biết – hiểu – vận dụng. (*Phụ lục 2 đính kèm*)

1.4. Phương thức tổ chức và loại hình hoạt động

- HĐTN, HN được tổ chức trong và ngoài lớp học, trong và ngoài trường học; theo quy mô nhóm, lớp học, khối lớp hoặc quy mô trường; với bốn loại hình hoạt động chủ yếu là *Sinh hoạt dưới cờ*, *Sinh hoạt lớp*, *Hoạt động giáo dục theo chủ đề* và *Hoạt động câu lạc bộ*, trong đó câu lạc bộ là loại hình tự chọn.

- HĐTN, HN được tổ chức với sự tham gia, phối hợp, liên kết của nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường như: giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học, cán bộ tư vấn tâm lý học đường, cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cán bộ Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, cán bộ phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, cán bộ quản lý nhà trường, cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân trong xã hội.

- Phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thực hiện theo định hướng: phát huy tính tích cực chủ động của học sinh; tạo điều kiện cho học sinh trải nghiệm, sáng tạo thông qua các hoạt động; giúp học sinh suy nghĩ, phân tích, khái quát hóa những trải nghiệm để kiến tạo kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng mới.

- Một số phương thức tổ chức chủ yếu: phương thức Khám phá (hoạt động tham quan, cắm trại, thực địa...), phương thức Thể nghiệm (hoạt động giao lưu, diễn đàn, đóng kịch, trò chơi, hội thi...), phương thức Cống hiến (hoạt động tình nguyện nhân

đạo, lao động công ích, tuyên truyền...), phương thức Nghiên cứu (hoạt động khảo sát, điều tra, làm dự án nghiên cứu, sáng tạo công nghệ...).

1.5. Thời lượng

- Thời lượng cho HĐTN, HN là 105 tiết/ năm học.
- Thời lượng thực hiện nội dung giáo dục ở cấp THCS có thể được phân bổ theo tỉ lệ % như sau:

Nội dung hoạt động	Tỉ lệ thời lượng
Hoạt động hướng vào bản thân	40%
Hoạt động hướng đến xã hội	25%
Hoạt động hướng đến tự nhiên	15%
Hoạt động hướng nghiệp	20%

1.6. Thiết bị giáo dục

- Thiết bị và phương tiện dạy học có thể được các công ty thiết bị sản xuất, cung cấp hoặc do giáo viên tự chế tạo bằng các nguyên liệu dễ kiếm ở địa phương. Thiết bị dạy học cần kế thừa những gì đã trang bị cho chương trình hiện hành.

- Các thiết bị dạy học cho HĐTN, HN lớp 6 được quy định chi tiết tại Danh mục Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6 – Môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ GDĐT, gồm có: bộ tranh về thiên tai, biến đổi khí hậu; video/clip về cảnh quan thiên nhiên Việt Nam; bộ thẻ nghề truyền thống; bộ dụng cụ lao động sân trường.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục HĐTN, HN

2.1. Kế hoạch thời gian thực hiện chương trình

- Căn cứ vào hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2021-2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng và ban hành kế hoạch thời gian thực hiện chương trình HĐTN, HN đảm bảo 105 tiết/năm học. Các nhà trường chủ động bố trí thời gian thực hiện chương trình và thời lượng cho các loại hình hoạt động (sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động giáo dục theo chủ đề) đảm bảo tính khoa học, sư phạm, phù hợp với thực tiễn.

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường, Hiệu trưởng phân công cán bộ quản lý phụ trách và giáo viên đảm nhận việc tổ chức thực hiện các hoạt động phù hợp với năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên.

2.2. Kế hoạch giáo dục của nhóm giáo viên phụ trách HĐTN, HN

- Căn cứ vào kế hoạch thời gian thực hiện chương trình đã được Hiệu trưởng quyết định, cán bộ quản lý phụ trách HĐTN, HN tổ chức xây dựng Kế hoạch dạy học và Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục (tham khảo phụ lục I và II kèm theo Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH).

- Kế hoạch được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường; tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động trong và ngoài nhà trường.

2.3. Kế hoạch giáo dục của giáo viên và kế hoạch bài dạy

- Giáo viên được phân công đảm nhiệm việc tổ chức HĐTN, HN xây dựng Kế hoạch giáo dục của giáo viên và Kế hoạch bài dạy để tổ chức hoạt động giáo dục (tham khảo phụ lục III và IV kèm theo Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH)

- Giáo viên được phân công tổ chức hoạt động nào (Sinh hoạt dưới cờ/ Sinh hoạt lớp/ Hoạt động giáo dục theo chủ đề), chủ đề nào (các chủ đề trong Hoạt động giáo dục theo chủ đề) thì sẽ xây dựng Kế hoạch bài dạy cho hoạt động và chủ đề đó.

3. Đánh giá kết quả giáo dục HĐTN, HN

Theo Chương trình Giáo dục phổ thông (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông, việc đánh giá kết quả giáo dục HĐTN, HN được quy định như sau:

3.1. Mục đích và nội dung đánh giá

- Mục đích đánh giá là thu thập thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt so với chương trình; sự tiến bộ của học sinh trong và sau các giai đoạn trải nghiệm.

- Nội dung đánh giá là các biểu hiện của phẩm chất và năng lực đã được xác định trong chương trình: năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp.

- Đối với Sinh hoạt dưới cờ và Sinh hoạt lớp, nội dung đánh giá chủ yếu tập trung vào sự đóng góp của học sinh cho các hoạt động tập thể, số giờ tham gia các hoạt động và việc thực hiện có kết quả hoạt động chung của tập thể. Ngoài ra, các yếu tố như động cơ, tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm, tính tích cực đối với hoạt động chung của học sinh cũng được đánh giá thường xuyên trong quá trình tham gia hoạt động.

3.2. Hình thức đánh giá

- HĐTN, HN được đánh giá bằng nhận xét (dùng lời nói hoặc viết để nhận xét các biểu hiện cụ thể về thái độ, hành vi và kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh).

- Đánh giá bằng nhận xét được thực hiện trong quá trình dạy học, bao gồm: nhận xét của giáo viên đối với học sinh hoặc nhóm học sinh; học sinh tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau; nhận xét của cha mẹ học sinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan; trong đó, cần nêu rõ ưu điểm nổi bật, những điểm còn tồn tại, những tiến bộ rõ nét của học sinh trong quá trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

3.3. Đánh giá thường xuyên và định kì

- Đánh giá thường xuyên:

+ Cán bộ quản lí, giáo viên được phân công tổ chức hoạt động nào thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với hoạt động đó theo kế hoạch.

+ Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi – đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

+ Mỗi học kì chọn 02 lần kiểm tra, đánh giá thường xuyên để ghi kết quả đánh giá vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh.

- Đánh giá định kì:

+ Trong mỗi học kì, HĐTN, HN có 01 lần đánh giá giữa kì và 01 lần đánh giá cuối kì.

+ Đánh giá định kì được thực hiện thông qua bài kiểm tra (trên giấy hoặc máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Nội dung kiểm tra, đánh giá định kì bao gồm nội dung các hoạt động đã thực hiện đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc máy tính), bài thực hành, dự án học tập, trước khi thực hiện phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt.

3.4. Kết quả đánh giá

- Với kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kì, đánh giá theo 01 trong 02 mức: Đạt, Chưa đạt

+ Mức Đạt: đáp ứng được yêu cầu của kiểm tra, đánh giá.

+ Mức Chưa đạt: chưa đáp ứng được yêu cầu của nội dung kiểm tra đánh giá.

- Trong một học kì, kết quả học tập của học sinh được đánh giá theo 01 trong 02 mức: Đạt, Chưa đạt.

+ Mức Đạt: có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT và tất cả các lần được đánh giá mức Đạt.

+ Mức Chưa đạt: các trường hợp còn lại.

- Cả năm học, kết quả học tập của học sinh được đánh giá theo 01 trong 02 mức: Đạt, Chưa đạt.

+ Mức Đạt: kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Đạt.

+ Mức Chưa đạt: kết quả học tập học kì II được đánh giá mức Chưa đạt.

- Giáo viên chủ nhiệm lớp chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả đánh giá HĐTN, HN của học sinh

- Kết quả đánh giá HĐTN, HN được ghi vào hồ sơ học tập của học sinh (tương đương một môn học)

Trên đây là Hướng dẫn chuyên môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp bắt đầu thực hiện từ lớp 6 năm học 2021-2022. Các phòng GDĐT, các nhà trường căn cứ hướng dẫn trên để có kế hoạch chỉ đạo và thực hiện./.

Phụ lục 1

Yêu cầu cần đạt tương ứng với các nội dung hoạt động cụ thể của HĐTN, HN

Lớp 6

(Theo Chương trình Giáo dục phổ thông, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp – Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	YÊU CẦU CẦN ĐẠT
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN	
Hoạt động khám phá bản thân	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận ra được sự thay đổi tích cực của bản thân, giới thiệu được đức tính đặc trưng của bản thân. – Phát hiện được sở thích, khả năng và những giá trị khác của bản thân; tự tin với sở thích, khả năng của mình.
Hoạt động rèn luyện bản thân	<ul style="list-style-type: none"> – Sắp xếp được góc học tập, nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp. – Biết chăm sóc bản thân và điều chỉnh bản thân phù hợp môi trường học tập mới, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. – Nhận biết được những dấu hiệu của thiên tai và biết cách tự bảo vệ trong một số tình huống thiên tai cụ thể. – Xác định được những khoản chi ưu tiên khi số tiền của mình hạn chế.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI	
Hoạt động chăm sóc gia đình	<ul style="list-style-type: none"> – Thể hiện được sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình bằng lời nói và hành động cụ thể. – Thể hiện được sự chủ động, tự giác thực hiện một số công việc trong gia đình. – Biết tham gia giải quyết một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ gia đình.
Hoạt động xây dựng nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> – Thiết lập được các mối quan hệ với bạn, thầy cô và biết gìn giữ tình bạn, tình thầy trò. – Xác định và giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ bạn bè. – Giới thiệu được những nét nổi bật của nhà trường và chủ động, tự giác tham gia xây dựng truyền thống nhà trường. – Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, của nhà trường.
Hoạt động xây dựng cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> – Thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng, thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn. – Thể hiện được hành vi văn hoá nơi công cộng.

	<ul style="list-style-type: none"> – Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện tại địa phương; biết vận động người thân và bạn bè tham gia các hoạt động thiện nguyện ở nơi cư trú. – Giới thiệu được một số truyền thống của địa phương.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	<ul style="list-style-type: none"> – Thể hiện được cảm xúc, hứng thú với khám phá cảnh quan thiên nhiên. – Thực hiện được những việc làm cụ thể để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> – Chỉ ra được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khoẻ con người. – Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu. – Vận động người thân, bạn bè không sử dụng các đồ dùng có nguồn gốc từ những động vật quý hiếm.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP	
Hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu được một số nghề truyền thống ở Việt Nam. – Nêu được hoạt động đặc trưng, những yêu cầu cơ bản, trang thiết bị, dụng cụ lao động của các nghề truyền thống. – Nhận biết được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với công việc của nghề truyền thống. – Nhận biết được về an toàn sử dụng công cụ lao động trong các nghề truyền thống. – Nhận diện được giá trị của các nghề trong xã hội và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp khác nhau.

Phụ lục 2

Mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của HĐTN, HN

(Theo Chương trình Giáo dục phổ thông, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp – Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
Biết	kể được (những việc làm tốt,...); nêu/nói được (những hành động an toàn, mục tiêu lao động an toàn,...); nhận biết được (những việc nên làm,...); nhận diện được (nguy hiểm, sở thích của bản thân,...); tôn trọng (người khác, sự khác biệt,...); có ý thức (giữ vệ sinh chung,...); tìm hiểu được (thu nhập của người thân, công việc của bố mẹ,...); biết cách làm (tìm kiếm sự hỗ trợ,...).
Hiểu	trình bày được (ước mơ nghề nghiệp,...); mô tả được (hình ảnh bản thân, đức tính, vẻ đẹp thiên nhiên,...); giới thiệu được (vẻ đẹp quê em, nhân vật và sự kiện,...); chỉ ra được (ý nghĩa của hoạt động, tác động của biến đổi khí hậu,...); phân tích được (điểm mạnh, điểm yếu, thông tin nghề nghiệp,...); đánh giá được (giá trị xã hội, hiệu quả hoạt động,...); nhận xét được (sự tiến bộ của bản thân, giá trị của cá nhân,...).
Vận dụng	xác định được (nghề, nhóm nghề,...); khảo sát được (nhu cầu, hứng thú,...); vận động được (người thân tham gia bảo vệ môi trường,...); đề xuất được (phương án giải quyết vấn đề, việc hợp tác,...); đưa ra được (ý kiến giải quyết vấn đề,...); thực hiện được (việc chăm sóc bản thân,...); làm quen được (với bạn mới, hàng xóm,...); thuyết trình được; lên kế hoạch (truyền thông trong cộng đồng,...); rèn luyện được (một số đức tính, thói quen,...); làm được (công việc tự phục vụ,...); thể hiện được (cảm xúc, sự đồng cảm, hành vi văn hoá,...); biết làm (sử dụng công cụ lao động an toàn, chăm sóc sức khoẻ,...); thiết lập được (quan hệ,...); xây dựng được (quan hệ, tình bạn, chiến dịch truyền thông,...); tổ chức được (sự kiện, buổi lao động,...); ứng phó được (với căng thẳng, thiên tai,...).

HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN LỚP 6

Thực hiện từ năm học 2021-2022

(Kèm theo Công văn số 184/QĐ-SGDĐT-GDTrH ngày 25/8/2021 của Sở GD&ĐT Hải Phòng)



TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

Căn cứ Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là Chương trình giáo dục phổ thông 2018);

Căn cứ Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Căn cứ Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022;

Thực hiện Công văn số 1106/BGDĐT-GDTrH ngày 20/3/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc biên soạn và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong chương trình giáo dục phổ thông;

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc tổ chức dạy học Nội dung giáo dục của địa phương lớp 6 từ năm học 2021 - 2022 như sau:

1. Vị trí và mục tiêu của nội dung giáo dục địa phương

Nội dung giáo dục của địa phương là nội dung giáo dục bắt buộc trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Ở cấp trung học cơ sở, nội dung giáo dục của địa phương có vị trí tương đương các môn học khác.

Mục tiêu của nội dung giáo dục địa phương là cụ thể hóa được mục tiêu của chương trình Giáo dục phổ thông 2018, xác định được yêu cầu về các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi, năng lực đặc thù mà học sinh cần đạt được; bảo đảm tính khoa học, phù hợp với đặc điểm phát triển tâm sinh lý của học sinh và điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục phổ thông.

Giáo dục địa phương Hải Phòng hướng tới trang bị cho học sinh thành phố những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn tại gia đình, dòng họ, địa phương nơi sinh sống nói riêng và thành phố Hải Phòng nói chung.

Về năng lực, nội dung giáo dục của địa phương góp phần hình thành và phát triển cho học sinh các năng lực theo mức độ phù hợp với cấp học đã được quy định tại Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Về phẩm chất, góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; chú trọng giáo dục niềm tự hào truyền thống quê hương, ý thức trách nhiệm công dân trong việc góp phần bảo vệ, xây dựng và quảng bá hình ảnh quê hương, đất nước.

2. Nội dung và thời lượng

- Tài liệu giáo dục địa phương thành phố Hải Phòng lớp 6 có 08 chủ đề thuộc các lĩnh vực sau:

+ Các vấn đề về văn hóa, lịch sử truyền thống của địa phương.

- + Các vấn đề về địa lí, kinh tế, hướng nghiệp của địa phương.
 - + Các vấn đề chính trị - xã hội, môi trường của địa phương.
- Thời lượng: **35 tiết/năm học**, trong đó:

- + 31 tiết dạy học các chủ đề.
- + 04 tiết kiểm tra đánh giá định kì.

3. Tổ chức thực hiện dạy học Nội dung giáo dục của địa phương thành phố Hải Phòng lớp 6

3.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường

a. Kế hoạch thời gian thực hiện chương trình

- Căn cứ vào kế hoạch thời gian năm học do UBND thành phố quyết định và hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2021 - 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng và ban hành kế hoạch thời gian thực hiện chương trình giáo dục địa phương Hải Phòng lớp 6 đảm bảo 35 tiết/năm học.

+ Các nhà trường chủ động bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm, phù hợp với thực tiễn nhằm sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Sắp xếp thời gian thực hiện các chủ đề logic với các môn học có liên quan nhằm tạo thuận lợi cho học sinh liên hệ, vận dụng những kiến thức cơ bản đã học trong các môn học với các chủ đề trong *Tài liệu giáo dục địa phương thành phố Hải Phòng lớp 6*.

+ Bố trí tiết dạy học các chủ đề linh hoạt, không bắt buộc phải dạy môn học ở tất cả các tuần, không nhất thiết phân bố đều số tiết/tuần.

+ Các chủ đề về Lịch sử (chủ đề 1, 2) và Địa lí (chủ đề 4, 5, 6) phải thực hiện dạy học theo thứ tự trong *Tài liệu giáo dục địa phương thành phố Hải Phòng lớp 6*.

- Hiệu trưởng nhà trường phân công giáo viên dạy học các chủ đề trong *Tài liệu giáo dục địa phương thành phố Hải Phòng lớp 6* phù hợp với năng lực của giáo viên theo hướng dẫn sau:

<i>Lĩnh vực</i>	<i>Chủ đề</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Giáo viên giảng dạy</i>
Văn hóa, lịch sử truyền thống	Chủ đề 1. Vùng đất Hải Phòng từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X	04	GV môn Lịch sử
	Chủ đề 2. Nữ tướng Lê Chân và Đức vương Ngô Quyền	04	
	Chủ đề 3. Truyện cổ dân gian Hải Phòng	04	GV môn Ngữ văn
Các vấn đề về địa lí, kinh tế, hướng nghiệp	Chủ đề 4. Bản đồ hành chính và các đơn vị hành chính thành phố Hải Phòng	03	GV môn Địa lí
	Chủ đề 5. Địa lí tự nhiên Hải Phòng	04	
	Chủ đề 6. Biển đảo quê hương	04	
	Chủ đề 7. Nghề truyền thống ở Hải Phòng	04	GV môn GDCD (hoặc GV môn Ngữ văn, hoặc GV phụ trách Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp)
Các vấn đề chính trị - xã hội, môi trường	Chủ đề 8. Truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ ở Hải Phòng	04	GV môn GDCD

b. Kế hoạch giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn

- Căn cứ vào kế hoạch thời gian thực hiện chương trình giáo dục địa phương đã được Hiệu trưởng quyết định, tổ/nhóm chuyên môn xây dựng Kế hoạch dạy học Nội dung giáo dục của địa phương.

- Kế hoạch dạy học nội dung giáo dục của địa phương được xây dựng theo từng chủ đề phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường và kế hoạch dạy học các môn học có liên quan.

- Thực hiện sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học; định kì sinh hoạt chuyên môn để xây dựng bài học minh họa, tổ chức dạy học và dự giờ để phân tích, rút kinh nghiệm giờ dạy dựa trên phân tích hoạt động học của học sinh.

c. Kế hoạch giáo dục của giáo viên và Kế hoạch bài dạy (giáo án)

- Căn cứ vào Kế hoạch dạy học Nội dung giáo dục của địa phương của tổ chuyên môn, giáo viên được phân công dạy học môn học xây dựng Kế hoạch giáo dục của giáo viên trong năm học; trên cơ sở đó xây dựng các Kế hoạch bài dạy để tổ chức dạy học.

- Giáo viên tham khảo *Tài liệu hướng dẫn giáo viên dạy học nội dung giáo dục địa phương thành phố Hải Phòng lớp 6*; tham khảo và khai thác thông tin (tư liệu, tranh ảnh...) từ các phương tiện truyền thông và các trang thông tin chính thống của các cấp, ngành; đảm bảo thông tin cung cấp cho HS chính xác, gần gũi, phù hợp với nội dung/chủ đề dạy học.

Các kế hoạch: Kế hoạch dạy học Nội dung giáo dục của địa phương, Kế hoạch giáo dục của giáo viên, Kế hoạch bài dạy (giáo án) tham khảo phụ lục Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

3.2. Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

- Đề cao vai trò chủ thể học tập của học sinh, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, bồi dưỡng phương pháp học tập, năng lực tự học để học sinh có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn văn hóa cần thiết cho bản thân.

- Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể. Phối hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại...) với việc tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học hiện đại (thảo luận, đóng vai, dự án...). Đa dạng hóa và sử dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học: kết hợp các hình thức học cá nhân, học theo nhóm, học ở lớp, học ở thực địa, ...

- Tăng cường tổ chức hoạt động trải nghiệm, các hoạt động thực tiễn trong quá trình dạy học, gắn lí thuyết với thực hành, nhà trường với xã hội, từ đó kích thích tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo, góp phần hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng hợp lí và hiệu quả các thiết bị dạy học (mô hình hiện vật, tranh ảnh lịch sử, bản đồ, sơ đồ, bảng thống kê, phim video, phần mềm dạy học,...) nhằm minh họa bài giảng của giáo viên và hỗ trợ các hoạt động học tập của học sinh.

3.3. Đánh giá kết quả giáo dục

Được thực hiện theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 Quy định về việc đánh giá học sinh THCS và THPT.

- Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua các hoạt động như: hỏi - đáp, viết, thực hành, thuyết trình, sản phẩm học tập...

- Giáo viên được phân công giảng dạy nội dung/chủ đề nào thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với nội dung/chủ đề đó theo kế hoạch.

- Đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường; nội dung kiểm tra đánh giá định kì bao gồm các nội dung đã thực hiện giảng dạy đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng đề nghị các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường phổ thông nhiều cấp học nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần báo cáo kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Giáo dục Trung học) để được hướng dẫn giải quyết./.



MỘT SỐ HƯỚNG DẪN TRONG ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC LỚP 9



(Có hướng dẫn cụ thể một số môn học đính kèm)

A. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC LỚP 9 TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HIỆN HÀNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỌC LỚP 10 CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI.

Để đảm bảo các điều kiện đầu vào cho học sinh vào lớp 10 theo chương trình mới, việc điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học đối với lớp 9 năm học 2021-2022 theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới cần thực hiện như sau:

1. Đối với kiến thức có cả trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và chương trình giáo dục phổ thông mới đối với các nội dung chủ đề cần được điều chỉnh từ mức độ cần đạt về kiến thức kỹ năng sang yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực quy định trong chương trình mới.

2. Đối với nội dung kiến thức có trong chương trình lớp 9 mới nhưng không có trong chương trình lớp 9 hiện hành bổ sung chương trình kiến thức mới vào chương trình môn học ở thời điểm phù hợp theo hướng:

- Bổ sung, tích hợp vào các nội dung, chủ đề đảm bảo yêu cầu đạt theo chương trình mới.

- Bổ sung nội dung chủ đề mới vào thời điểm phù hợp, bảo đảm học sinh có đủ điều kiện về kiến thức, kỹ năng để học thuận lợi.

3. Đối với nội dung kiến thức có trong chương trình lớp 9 hiện hành nhưng không có trong chương trình lớp 9 mới cần tinh giản theo hướng:


- Nếu các nội dung kiến thức đó học sinh không phải sử dụng để học các nội dung kiến thức khác trong chương trình môn học thì tinh giản theo hướng không dạy, không học, không thực hiện.

- Nếu các nội dung kiến thức đó học sinh vẫn sử dụng để học các nội dung kiến thức liên quan trong chương trình môn học thì tinh giản theo hướng “hướng dẫn học sinh tự học” hoặc tích hợp vào bài học, chủ đề cần sử dụng để tổ chức cho học sinh học tập cùng với kiến thức liên quan.

B. RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

Nguyên tắc điều chỉnh nội dung dạy học:

Điều chỉnh nội dung dạy học theo hướng chương trình giáo dục phổ thông 2018 để giáo viên, học sinh (GV, HS) tiếp cận sát với chương trình GDPT 2018, tạo thêm điều kiện cho GV đổi mới phương pháp dạy học theo yêu cầu của chương trình. Việc điều chỉnh nội dung dạy học thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

1. Đảm bảo mục tiêu giáo dục của chương trình, sách giáo khoa (SGK) theo quy định của Luật Giáo dục.
2. Đảm bảo tính logic của mạch kiến thức và tính thống nhất giữa các bộ môn; không thay đổi chương trình, SGK hiện hành.
3. Không thay đổi thời lượng dạy học đối với mỗi môn học trong một lớp và trong mỗi cấp học.
4. Thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện tại cơ sở giáo dục.
5. Đối với nội dung kiến thức có trong chương trình hiện hành nhưng không có trong chương trình 2018 thì sẽ được tinh giảm.
6. Đối với nội dung kiến thức không có trong chương trình hiện hành nhưng có trong chương trình 2018 thì được bổ sung để tiếp cận chương trình 2018.
7. Đối với nội dung kiến thức có cả chương trình hiện hành và chương trình 2018 thì sẽ bổ sung theo yêu cầu cần đạt của chương trình 2018. 



HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN LỚP 6

Thực hiện từ năm học 2021-2022

(Kèm theo Công văn số 1024/QĐ-SGDĐT-GDTrH ngày 5/8/2021 của Sở GD&ĐT Hải Phòng)

MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ

Căn cứ Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là Chương trình giáo dục phổ thông 2018);

Căn cứ Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Căn cứ Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022.

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc tổ chức dạy học môn Lịch sử và Địa lí lớp 6 từ năm học 2021 - 2022 như sau:

1. Vị trí, nội dung và mục tiêu của môn học

Lịch sử và Địa lí là môn học bắt buộc trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở gồm phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, mỗi phân môn được thiết kế theo mạch nội dung riêng, trong đó nhiều nội dung dạy học liên quan được bố trí gần nhau để hỗ trợ nhau; nội dung Lịch sử tích hợp trong những phần phù hợp của nội dung Địa lí và nội dung Địa lí tích hợp trong những phần phù hợp của nội dung Lịch sử.

Mạch nội dung của phân môn Lịch sử lớp 6 được sắp xếp theo logic thời gian lịch sử từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X. Trong từng thời kì, không gian lịch sử được tái hiện từ lịch sử thế giới, khu vực đến Việt Nam để đối chiếu, lí giải, làm sáng tỏ những vấn đề Lịch sử.

Mạch nội dung của phân môn Địa lí lớp 6 được sắp xếp theo logic không gian và tìm hiểu Địa lí tự nhiên đại cương

Môn Lịch sử và Địa lí lớp 6 góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung và năng lực khoa học với biểu hiện đặc thù là năng lực lịch sử và năng lực địa lí theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

2. Thời lượng thực hiện chương trình

Thời lượng dành cho môn học là **105 tiết/năm học**. Tỷ lệ % số tiết dành cho các mạch nội dung trong bảng sau:

Mạch nội dung		Tỷ lệ % số tiết	Tổng
Lịch sử	Thế giới	22%	45%
	Việt Nam	23%	
Địa lí	Địa lí tự nhiên đại cương	45%	45%
Đánh giá định kì		10%	10%

3. Tổ chức thực hiện dạy học môn Lịch sử và Địa lí lớp 6

3.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (Công văn 5512); các phụ lục kèm theo Công văn 5512 được sử dụng để tham khảo trong việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục của giáo viên, kế hoạch bài dạy (giáo án).

a. Kế hoạch thời gian thực hiện chương trình

- Căn cứ vào kế hoạch thời gian năm học do UBND thành phố quyết định và hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2021 - 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng và ban hành kế hoạch thời gian thực hiện chương trình môn Lịch sử và Địa lí lớp 6 đảm bảo 105 tiết/năm học.

+ Chương trình môn Lịch sử và Địa lí lớp 6 được bố trí phù hợp trong cả năm học. Các nhà trường chủ động bố trí thời gian thực hiện chương trình bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh, *không bắt buộc phải dạy môn học ở tất cả các tuần, không bắt buộc phải chia đều số tiết/tuần* để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ *Đối với mỗi mạch kiến thức (Lịch sử, Địa lí) có thể được bắt đầu thực hiện và hoàn thành trong từng học kì của năm học.*

- Căn cứ tình hình đội ngũ giáo viên của nhà trường, hiệu trưởng phân công giáo viên dạy học các nội dung của chương trình phù hợp với năng lực chuyên môn của giáo viên. Nhà trường cần chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để giáo viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn đảm nhận việc dạy học toàn bộ chương trình môn học.

b. Kế hoạch dạy học môn học

- Căn cứ vào kế hoạch thời gian thực hiện chương trình môn Lịch sử và Địa lí lớp 6 đã được Hiệu trưởng quyết định, tổ chuyên môn xây dựng Kế hoạch dạy học môn học.

- *Kế hoạch dạy học môn học được xây dựng theo từng phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, các phân môn được bố trí dạy học đồng thời trong từng học kì phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.*

- Phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo viên trong việc thực hiện chương trình *song số tiết của từng phân môn (Lịch sử, Địa lí), số tiết của từng mạch nội dung phải đảm bảo tỉ lệ % như bảng ở mục 2.*

- Khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện các phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Thực hiện sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học; định kì sinh hoạt chuyên môn để xây dựng bài học minh họa, tổ chức dạy học và dự giờ để phân tích, rút kinh nghiệm giờ dạy dựa trên phân tích hoạt động học của học sinh.

c. Kế hoạch giáo dục của giáo viên và Kế hoạch bài dạy (giáo án)

Căn cứ vào Kế hoạch dạy học môn học của tổ chuyên môn, giáo viên được phân công dạy học môn học xây dựng Kế hoạch giáo dục của giáo viên trong năm học; trên cơ sở đó xây dựng các Kế hoạch bài dạy để tổ chức dạy học.

3.2. *Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học*

- Đề cao vai trò chủ thể học tập của học sinh, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, bồi dưỡng phương pháp học tập, năng lực tự học để học sinh có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn văn hóa cần thiết cho bản thân.

- Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể. Phối hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại...) với việc tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học hiện đại (thảo luận, đóng vai, dự án...)

- Đa dạng hóa và sử dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học: kết hợp các hình thức học cá nhân, học theo nhóm, học ở lớp, học ở thực địa, ...

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng hợp lý và hiệu quả các thiết bị dạy học (mô hình hiện vật, tranh ảnh lịch sử, bản đồ, sơ đồ, bảng thống kê, phim video, phần mềm dạy học,...) nhằm minh họa bài giảng của giáo viên và hỗ trợ các hoạt động học tập của học sinh.

3.3. *Đánh giá kết quả giáo dục*

- Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình môn Lịch sử và Địa lí và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh.

- Căn cứ đánh giá là yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù lịch sử và địa lí được quy định trong Chương trình tổng thể và chương trình môn Lịch sử và Địa lí.

- Bên cạnh nội dung lí thuyết, cần tăng cường đánh giá các kỹ năng của học sinh như làm việc với tranh ảnh, bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu, quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hóa thông tin, sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập... Không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức Lịch sử hay Địa lí làm trung tâm của việc đánh giá.

- Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua các hoạt động như: hỏi - đáp, viết, thực hành, thuyết trình, sản phẩm học tập...

- Giáo viên được phân công giảng dạy phân môn nào thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với phân môn đó theo kế hoạch.

- Đánh giá định kì gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì kiểm tra, đánh giá cuối kì. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng bao gồm nội dung phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí theo tỷ lệ phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học của mỗi phân môn đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng đề nghị các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường phổ thông nhiều cấp học nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần báo cáo kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Giáo dục Trung học) để được hướng dẫn giải quyết./.

HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN LỚP 6
Thực hiện từ năm học 2021-2022
 (Kèm theo Công văn số 1824/SGDDĐT ngày 25/8/2021 của Sở GD&ĐT HP)

MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN



Năm học 2021-2022, Hải Phòng đã lựa chọn 3 bộ sách môn Khoa học tự nhiên (Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo, Cánh diều) của 2 nhà xuất bản (NXB Giáo dục Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội) để giáo viên và học sinh sử dụng trong quá trình dạy – học nhằm hình thành, phát triển ở học sinh lớp 6 năng lực khoa học tự nhiên. Với mục đích định hướng thực hiện công tác giảng dạy và học tập của các giáo viên và học sinh lớp 6 năm học 2021-2022, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên dạy môn KHTN thực hiện một số nội dung sau:

1. Thực hiện chương trình môn Khoa học tự nhiên (KHTN)

1.1. Đặc điểm môn KHTN

Môn KHTN được xây dựng và phát triển trên nền tảng các khoa học vật lí, hóa học, sinh học và Khoa học Trái Đất có đối tượng nghiên cứu gắn gũi với đời sống hàng ngày. Môn KHTN cùng với các môn Toán học, Tin học và Công nghệ góp phần thúc đẩy giáo dục STEM – một trong những hướng giáo dục đang được quan tâm ở Việt Nam. Vì vậy, việc tổ chức các hoạt động thực hành, thí nghiệm trong phòng thực hành và phòng học bộ môn, ở thực địa và ở cơ sở sản xuất có vai trò, ý nghĩa quan trọng và là hình thức dạy học đặc trưng của bộ môn học này.

Các kiến thức, kĩ năng môn KHTN được tổ chức theo các mạch nội dung (chất và sự biến đổi chất, vật sống, năng lượng và sự biến đổi, Trái Đất và bầu trời), thể hiện các nguyên lí, quy luật chung của thế giới tự nhiên (tính cấu trúc, sự đa dạng, sự tương tác, tính hệ thống, quy luật vận động và biến đổi), đồng thời từng bước phản ánh vai trò của khoa học tự nhiên đối với sự phát triển xã hội và sự vận dụng kiến thức, kĩ năng về khoa học tự nhiên trong sử dụng và khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững. Các nội dung này được sắp xếp chủ yếu theo logic tuyến tính, kết hợp một số nội dung đồng tâm nhằm hình thành nhận thức về thế giới tự nhiên và khoa học tự nhiên, giúp học sinh bước đầu vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học về khoa học tự nhiên trong đời sống.

1.2. Yêu cầu cần đạt

Hình thành và phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và năng lực chung (năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo) theo các mức độ phù hợp với môn học cấp THCS đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

Hình thành và phát triển cho HS các năng lực KHTN bao gồm các thành phần: nhận thức KHTN; tìm hiểu tự nhiên; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học với nhiều biểu hiện cụ thể cho mỗi thành phần có trong CT GDPT 2018 môn KHTN (Phụ lục 1).

Hình thành và phát triển cho HS các kiến thức, kĩ năng bao gồm các nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt có trong CT GDPT 2018 môn KHTN.



1.3. Dự kiến khung chương trình

Thời lượng dạy môn KHTN dành cho lớp 6 là 140 tiết/năm học, dạy trong 35 tuần và dự kiến dạy 4 tiết/tuần.

Dự kiến tỷ lệ % và số tiết dành cho mỗi chủ đề được trình bày trong bảng sau:

TT	Nội dung	Tỷ lệ	Số tiết dự kiến
1.	Mở đầu	5%	7
2.	Chất và sự biến đổi của chất	15%	21
	- Các thể (trạng thái) của chất;	3%	4
	- Oxygen và không khí;	2%	3
	- Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng;	6%	8
	- Dung dịch; Tách chất ra khỏi hỗn hợp.	4%	6
3.	Vật sống	38%	53
	- Tế bào – Đơn vị cơ sở của sự sống;	11%	15
	- Đa dạng thế giới sống.	27%	38
4.	Năng lượng và sự biến đổi	25%	35
	- Các phép đo;	7%	10
	- Lực;	11%	15
	- Năng lượng và cuộc sống.	7%	10
5.	Trái Đất và bầu trời	7%	10
	Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời, Mặt Trăng; hệ Mặt Trời; Ngân Hà.	7%	10
6.	Đánh giá định kì	10%	14

Các Phân phối chương trình cho mỗi sách (Kết nối tri thức với cuộc sống; Cánh diều; Chân trời sáng tạo) có thể tham khảo trong Phụ lục 2.

1.4. Thiết bị dạy học môn KHTN

Thiết bị và phương tiện dạy học có thể được các công ty thiết bị sản xuất, cung cấp hoặc do giáo viên tự chế tạo bằng các nguyên liệu dễ kiếm ở địa phương. Thiết bị dạy học cần kế thừa những gì đã trang bị cho chương trình hiện hành.

Bộ thiết bị dạy học môn Khoa học tự nhiên được quy định chi tiết tại Danh mục Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6 – Môn KHTN Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ GDĐT gồm có:

- Các thiết bị dùng để trình diễn, chứng minh: bộ tranh, ảnh, hình vẽ, học liệu điện tử, slide, mô hình, phần mềm mô hình, phần mềm mô phỏng thí nghiệm;

- Các thiết bị, dụng cụ, mẫu vật, hoá chất dùng để thực hành tối thiểu cần thiết cho thí nghiệm biểu diễn và thực hành;

- Phòng bộ môn: thiết bị, mẫu vật và bàn ghế đủ cho học sinh tiến hành các bài thực hành, vòi nước và bồn rửa, thiết bị phòng cháy và chữa cháy,...; thiết bị cố định: bảng viết, tủ đựng mẫu vật, bàn thực hành lát đá, quạt thông gió, các dụng cụ sử dụng theo bài thực hành,...; các thiết bị điện tử và quang học, nghe nhìn.

2. Xây dựng các Kế hoạch dạy học môn Khoa học tự nhiên

2.1. Kế hoạch giáo dục của nhóm giáo viên KHTN

Căn cứ vào kế hoạch thời gian thực hiện chương trình các môn học đã được Hiệu trưởng quyết định, các tổ chuyên môn xây dựng Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, bao gồm Kế hoạch dạy học môn KHTN (tham khảo Khung kế hoạch dạy học môn học tại Phụ lục 3) và Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục (tham khảo Khung kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục tại Phụ lục 4). Đối với việc tổ chức các hoạt động giáo dục, đơn vị được giao chủ trì hoạt động nào xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức hoạt động đó, bao gồm các thành phần cơ bản sau: mục đích, yêu cầu; nội dung, hình thức và chương trình tổ chức hoạt động; tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động đối với các đối tượng tham gia; thời gian và địa điểm tổ chức; nguồn lực được huy động để tổ chức thực hiện.

2.2. Kế hoạch giáo dục và kế hoạch bài dạy của giáo viên

Căn cứ vào Kế hoạch dạy học các môn học của tổ chuyên môn, giáo viên được phân công dạy học môn học ở các khối lớp xây dựng Kế hoạch giáo dục của giáo viên trong năm học (tham khảo Khung kế hoạch giáo dục của giáo viên tại Phụ lục 5); trên cơ sở đó xây dựng các Kế hoạch bài dạy (tham khảo Khung kế hoạch bài dạy tại Phụ lục 6) để tổ chức dạy học.

3. Định hướng giảng dạy học môn KHTN

3.1. Giới thiệu một số PPDH và Kỹ thuật dạy học phù hợp với môn KHTN

Năng lực khoa học tự nhiên có ba thành phần năng lực, mỗi thành phần năng lực ứng với các biểu hiện khác nhau. Vì vậy, GV cần lựa chọn sử dụng các PPDH và KTDH có ưu thế phát triển từng thành phần, biểu hiện của năng lực KHTN.

Một số PPDH, KTDH thường được sử dụng khi tổ chức dạy học môn KHTN:

- Phương pháp dạy học: Dạy học trực quan; Dạy học giải quyết vấn đề; Dạy học hợp tác; Sử dụng thí nghiệm; Dạy học qua thực địa; Dạy học dự án; Bàn tay nặn bột; Dạy học theo định hướng STEM...

- Kỹ thuật dạy học: động não, bản đồ tư duy, KWL, khăn trải bàn, phòng tranh, mảnh ghép...

3.2. Định hướng chung cho tổ chức dạy học để phát triển phẩm chất và năng lực môn KHTN

- Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS; tránh áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; bồi dưỡng năng lực tự chủ và tự học để HS;

- Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức KHTN để phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn; khuyến khích tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm, sáng tạo trên cơ sở tham gia các hoạt động học tập, tìm tòi, khám phá, vận dụng kiến thức, kỹ năng.

- Vận dụng các phương pháp giáo dục một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện thực tế. Tùy theo yêu cầu cần đạt GV có thể phối hợp nhiều PPDH trong một chủ đề. Các PPDH truyền thống (thuyết trình, đàm thoại...) được sử dụng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của HS.

- Các hình thức tổ chức dạy học được thể hiện đa dạng và linh hoạt, kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở lớp, học theo dự án học tập, tự học,... Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học môn KHTN (*giảng dạy-học tập, giao nhiệm vụ học tập, ôn luyện, kiểm tra – đánh giá trực tuyến trên nền tảng Microsoft Team, Zoom, onluyen.vn, K12online, OLM.VN...*). Coi trọng sử dụng các nguồn tư liệu ngoài SGK và hệ thống các thiết bị dạy học được trang bị; khai thác triệt để những lợi thế của CNTT và truyền thông trong dạy học, tăng cường sử dụng các học liệu điện tử (video, thí nghiệm mô phỏng...)

4. Lựa chọn hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá môn KHTN

4.1. Hình thức, thời gian và số điểm kiểm tra đánh giá

Hình thức đánh giá đối với môn KHTN sử dụng đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập. Mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập của học sinh. Đối với môn KHTN số ĐĐG_{tx} trong mỗi học kì là **04 điểm ĐĐG_{tx}**.

Đánh giá định kì gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập. Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) có thời gian làm bài từ 60 phút đến 90 phút. Trong mỗi học kì, có 01 điểm ĐĐG_{gk} và 01 điểm ĐĐG_{ck}.

4.2. Xây dựng các bài kiểm tra – đánh giá

a. Nguyên tắc kiểm tra - đánh giá

- Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học KHTN được quy định trong CT GDPT 2018.

- Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn KHTN được quy định trong CT GDPT 2018 trước khi thực hiện kiểm tra đánh giá học sinh.

b. Một số phương pháp và công cụ đánh giá:

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
Đánh giá thường xuyên (Đánh giá quá trình)	Phương pháp hỏi-đáp	Câu hỏi
	Phương pháp quan sát	Ghi chép các sự kiện thường nhật, thang đo, bảng kiểm
	Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập	Bảng quan sát, câu hỏi vấn đáp, phiếu đánh giá theo tiêu chí
	Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập	Bảng kiểm, thang đánh giá, phiếu đánh giá theo tiêu chí
	Phương pháp kiểm tra viết	Câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm, phần mềm biên soạn đề kiểm tra
	Phương pháp thuyết trình	Bảng kiểm, phiếu đánh giá theo tiêu chí, thang đo
	Phương pháp thực hành, thí nghiệm	Câu hỏi, bảng kiểm, phiếu đánh giá theo tiêu chí, thang đo
Đánh giá định kì (Đánh giá tổng kết/ đánh giá kết quả)	Phương pháp kiểm tra viết	Câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm, phần mềm biên soạn đề kiểm tra
	Phương pháp đánh giá qua dự án học tập	Bảng kiểm, phiếu đánh giá theo tiêu chí, thang đo
	Phương pháp thực hành, thí nghiệm	Câu hỏi, bảng kiểm, phiếu đánh giá theo tiêu chí, thang đo

5. Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học

Thực hiện sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học; định kì sinh hoạt chuyên môn để xây dựng bài học minh họa (tối thiểu 01 chuyên đề/bài dạy học/học kỳ đối với môn KHTN lớp 6), tổ chức dạy học và dự giờ để phân tích, rút kinh nghiệm giờ dạy

Phụ lục 3: Khung kế hoạch dạy học môn học (Tham khảo)

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG:
TỔ:

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, KHỐI LỚP.....
(Năm học 20..... - 20.....)

I. Đặc điểm tình hình

- 1. Số lớp:**; **Số học sinh:**; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):**.....
2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:.....; **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: Đại học:.....; Trên đại học:.....

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên¹: Tốt:.....; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....

- 3. Thiết bị dạy học:** (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/Thực hành	Ghi chú
1				
2				
3				
...				
...				

- 4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

II. Kế hoạch dạy học²

1. Phân phối chương trình

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

² Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)	GV dạy (5)
1					
2					
...					

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.

(4) Hình thức dạy học: trực tuyến hay trực tiếp.

(5) Giáo viên dạy bài học đó đối với môn có từ 2 GV dạy trở lên.

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)	GV dạy (5)
Thường xuyên 1					
Thường xuyên 2					
Thường xuyên 3					
Thường xuyên 4					
Giữa Học kỳ 1					
Cuối Học kỳ 1					
Giữa Học kỳ 2					
Cuối Học kỳ 2					

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

(5) Giáo viên dạy bài học đó đối với môn có từ 2 GV dạy trở lên.

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20...

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 4: Khung kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục (Tham khảo)
KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
 (Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG:
 TÊN:

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
 (Năm học 20..... - 20.....)

1. **Khối lớp:**; **Số học sinh:**.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

2. **Khối lớp:**; **Số học sinh:**.....

-
- (1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.
 - (2) Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.
 - (3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.
 - (4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).
 - (5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).
 - (6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.
 - (7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.
 - (8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu...

TỔ TRƯỞNG
 (Ký và ghi rõ họ tên)

...., ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 5: Khung kế hoạch giáo dục của giáo viên (Tham khảo)

KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN
 (Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG:
TỔ:
 Họ và tên giáo viên:

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, LỚP.....
 (Năm học 20..... - 20.....)

I. Kế hoạch dạy học-Phân phối chương trình

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
1					
2					
...					

- (1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.
- (2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.
- (3) Tuân thực hiện bài học/chuyên đề.
- (4) Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.
- (5) Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa...).

II. Nhiệm vụ khác (nếu có): (Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)

.....

TỔ TRƯỞNG
 (Ký và ghi rõ họ tên)

... ngày tháng năm
GIÁO VIÊN
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 6: Khung kế hoạch bài dạy tại (Tham khảo)

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

TÊN BÀI DẠY:

Môn học/Hoạt động giáo dục:, lớp:.....

Thời gian thực hiện: (số tiết)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức: Nêu cụ thể nội dung kiến thức học sinh cần học trong bài theo yêu cầu của nội dung giáo dục/chủ đề tương ứng trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục.
2. Về năng lực: Nêu cụ thể yêu cầu học sinh làm được gì (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để chiếm lĩnh và vận dụng kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục.
3. Về phẩm chất: Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho học sinh hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy (muốn hình thành phẩm chất, năng lực nào thì hoạt động học phải tương ứng và phù hợp).

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động)

- a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp học sinh xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/ thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.
- b) Nội dung: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể mà học sinh phải thực hiện (xử lý tình huống, câu hỏi, bài tập, thí nghiệm, thực hành...) để xác định vấn đề cần giải quyết/nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/cách thức thực hiện nhiệm vụ.
- c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm hoạt động theo nội dung yêu cầu/nhiệm vụ mà học sinh phải hoàn thành: kết quả xử lý tình huống; đáp án của câu hỏi, bài tập; kết quả thí nghiệm, thực hành; trình bày, mô tả được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.
- d) Tổ chức thực hiện: Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho học sinh từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1 (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động).

- a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/ thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.

- b) Nội dung: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của học sinh làm việc với sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/xem/nghe/nói/làm) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.
- c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà học sinh cần viết ra, trình bày được.
- d) Tổ chức thực hiện: Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kỹ năng vận dụng kiến thức cho học sinh.
- b) Nội dung: Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm giao cho học sinh thực hiện.
- c) Sản phẩm: Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do học sinh thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.
- d) Tổ chức thực hiện: Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho học sinh; hướng dẫn hỗ trợ học sinh thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của học sinh thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp).
- b) Nội dung: Mô tả rõ yêu cầu học sinh phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.
- c) Sản phẩm: Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.
- d) Tổ chức thực hiện: Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của giáo viên.

Ghi chú:

- Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để học sinh thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kỹ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp và chủ yếu được giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học.
- Trong Kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của giáo viên, học sinh mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của giáo viên: giáo viên giao nhiệm vụ/yêu cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; học sinh thực hiện/đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thí nghiệm/thực hành/.
- Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình tổ chức các hoạt động học và được thiết kế trong Kế hoạch bài dạy thông qua các hình thức: hỏi - đáp, viết, thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập. Đối với mỗi hình thức, khi đánh giá bằng điểm số phải thông báo trước cho học sinh về các tiêu chí đánh giá và định hướng cho học sinh tự học; chú trọng đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả thực hiện của học sinh theo yêu cầu của câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm, thuyết trình, sản phẩm học tập đã được nêu cụ thể trong Kế hoạch bài dạy.
- Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học
 - Giao nhiệm vụ học tập: Trình bày cụ thể nội dung nhiệm vụ được giao cho học sinh (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả học sinh đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

- Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện; giáo viên theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể nhiệm vụ học sinh phải thực hiện (đọc/nghe/nhìn/làm) theo yêu cầu của giáo viên; dự kiến những khó khăn mà học sinh có thể gặp phải theo biện pháp hỗ trợ; dự kiến các mức độ cần phải hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.
- Báo cáo, thảo luận (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể giải pháp sư phạm trong việc lựa chọn các nhóm học sinh báo cáo và cách thức tổ chức cho học sinh báo cáo (có thể chỉ chọn một số nhóm trình bày/báo cáo theo giải pháp sư phạm của giáo viên).
- Kết luận, nhận định: Phân tích cụ thể về sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của học sinh trên thực tế tổ chức dạy học); làm rõ những nội dung/yêu cầu về kiến thức, kỹ năng để học sinh ghi nhận, thực hiện; làm rõ các nội dung/vấn đề cần giải quyết/giải thích và nhiệm vụ học tập mà học sinh phải thực hiện tiếp theo./.

Phụ lục 7: Phiếu đánh giá nhận xét sinh hoạt chuyên môn theo hướng phân tích hoạt động học của học sinh

Nội dung	Tiêu chí	Nhận xét và đánh giá của giáo viên
<p>1. Kế hoạch và tài liệu dạy học</p>	<p>Mức độ phù hợp của chuỗi <i>hoạt động học</i> với mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học được sử dụng. Mức độ rõ ràng của mục tiêu, nội dung, kĩ thuật tổ chức và sản phẩm cần đạt được của mỗi <i>nhiệm vụ học tập</i>. Mức độ phù hợp của <i>thiết bị dạy học</i> và <i>học liệu</i> được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh. Mức độ hợp lý của phương án <i>kiểm tra, đánh giá</i> trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh. Mức độ sinh động, hấp dẫn học sinh của phương pháp và hình thức chuyên <i>giao nhiệm vụ học tập</i>. Khả năng <i>theo dõi, quan sát, phát hiện</i> kịp thời những khó khăn của học sinh.</p>	
<p>2. Tổ chức hoạt động học cho học sinh</p>	<p>Mức độ phù hợp, hiệu quả của các <i>biện pháp hỗ trợ</i> và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập. Mức độ hiệu quả hoạt động của giáo viên trong việc <i>tổng hợp, phân tích, đánh giá</i> kết quả hoạt động và quá trình thảo luận của HS Khả năng <i>tiếp nhận và sẵn sàng</i> thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả học sinh trong lớp.</p>	
<p>3. Hoạt động của học sinh</p>	<p>Mức độ <i>tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác</i> của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập. Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong <i>trình bày, trao đổi, thảo luận</i> về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Mức độ <i>đúng đắn, chính xác, phù hợp</i> của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.</p>	

dựa trên phân tích hoạt động học của học sinh. Việc dự giờ, thăm lớp của giáo viên được thực hiện theo kế hoạch sinh hoạt chuyên môn của tổ/nhóm chuyên môn.

Nội dung sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn KHTN gồm các nội dung sau:

a. Lựa chọn nội dung dạy học lớp 6 để xây dựng các tiết dạy sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học

Căn cứ vào chương trình KHTN và sách giáo khoa hiện hành, lựa chọn nội dung để xây dựng các chuyên đề/bài dạy học phù hợp với việc sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong điều kiện thực tế của nhà trường. Trên cơ sở các yêu cầu cần đạt chương trình KHTN và các hoạt động học dự kiến sẽ tổ chức cho học sinh theo phương pháp dạy học tích cực, xác định các năng lực và phẩm chất có thể hình thành cho học sinh trong mỗi chuyên đề/bài đã xây dựng. Ưu tiên lựa chọn nội dung thuộc các chủ đề liên môn, tích hợp; thực hành – thí nghiệm nhằm hình thành các nguyên lí, quy luật chung của thế giới tự nhiên để xây dựng các tiết dạy sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học.

b. Biên soạn câu hỏi/bài tập

Với mỗi chuyên đề/bài đã xây dựng, xác định và mô tả 4 mức độ yêu cầu (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) của mỗi loại câu hỏi/bài tập có thể sử dụng để kiểm tra, đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong dạy học. Trên cơ sở đó, biên soạn các câu hỏi/bài tập cụ thể theo các mức độ yêu cầu đã mô tả để sử dụng trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá, luyện tập theo chuyên đề/bài đã xây dựng.

c. Thiết kế và tiến trình dạy học

Quá trình dạy học mỗi chuyên đề được thiết kế thành các hoạt động học của học sinh dưới dạng các nhiệm vụ học tập kế tiếp nhau, có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà. Ở ngoài lớp ưu tiên thiết kế các hoạt động học sinh có thể tự học, tự làm, tự tìm hiểu, tự nghiên cứu, tự thực hành... dưới sự hướng dẫn của giáo viên và giám sát thực hiện của phụ huynh học sinh phối hợp với các cá nhân liên quan. Học sinh tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Tiến trình dạy học chuyên đề được tổ chức thành các hoạt động học của học sinh để có thể thực hiện ở trên lớp và ở nhà, mỗi tiết học trên lớp có thể chỉ thực hiện một số hoạt động trong tiến trình sư phạm của phương pháp và kĩ thuật dạy học được sử dụng.

d. Tổ chức dạy học và dự giờ

Trên cơ sở các chuyên đề dạy học đã được xây dựng, tổ/nhóm chuyên môn phân công giáo viên thực hiện bài học để dự giờ, phân tích và rút kinh nghiệm về giờ dạy. Khi dự giờ, cần tập trung quan sát *hoạt động học của học sinh* thông qua việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ học tập với yêu cầu như sau:

- *Chuyển giao nhiệm vụ học tập*: nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của học sinh, thể hiện ở yêu cầu về sản phẩm mà học sinh phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú nhận thức của học sinh; đảm bảo cho tất cả học sinh tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

- *Thực hiện nhiệm vụ học tập*: khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; phát hiện kịp thời những khó khăn của học sinh và có biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả; không có học sinh bị "bỏ quên".

- *Báo cáo kết quả và thảo luận*: hình thức báo cáo phù hợp với nội dung học tập và kĩ thuật dạy học tích cực được sử dụng; khuyến khích cho học sinh trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lý những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lý.

- *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập*: nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và

những ý kiến thảo luận của học sinh; chính xác hóa các kiến thức mà học sinh đã học được thông qua hoạt động.

Mỗi chuyên đề được thực hiện ở nhiều tiết học nên một nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện ở trong và ngoài lớp học. Vì thế, trong một tiết học có thể chỉ thực hiện một số bước trong tiến trình sư phạm của phương pháp và kỹ thuật dạy học được sử dụng. Khi dự một giờ dạy, giáo viên cần phải đặt nó trong toàn bộ tiến trình dạy học của chuyên đề đã thiết kế. Cần tổ chức ghi hình các giờ dạy để sử dụng khi phân tích bài học.

e. Phân tích, rút kinh nghiệm bài học

Phân tích giờ dạy theo quan điểm đó là phân tích hiệu quả hoạt động học của học sinh, đồng thời đánh giá việc tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học cho học sinh của giáo viên. Phân tích từng hoạt động theo 4 bước sau: (1) Mô tả hành động (đọc, nghe, viết, nói, làm) của học sinh trong hoạt động học (làm minh chứng để tiến hành bước 2 và bước 3); (2) Đánh giá kết quả hoạt động của học sinh (những gì học sinh đã học được, chưa học được); (3) Phân tích nguyên nhân những gì học sinh đã học được, chưa học được; (4) Đưa ra biện pháp khắc phục hạn chế, hoàn thiện kế hoạch dạy học.

Việc phân tích bài học có thể được căn cứ vào các tiêu chí cụ thể có trong *Phụ lục 7*.

Trên đây là Hướng dẫn chuyên môn đối với bộ môn Khoa học tự nhiên bắt đầu thực hiện từ năm học 2021 - 2022. Các phòng GDĐT, các trường THCS căn cứ hướng dẫn trên đây để có kế hoạch chỉ đạo và thực hiện.

CV Nguyễn Thị Linh & Lương Quốc Thái & Hoàng Long

Phụ lục 1: Năng lực môn KHTN

Thành phần năng lực	Biểu hiện
Nhận thức khoa học tự nhiên	<p>Trình bày, giải thích được những kiến thức cốt lõi về thành phần cấu trúc, sự đa dạng, tính hệ thống, quy luật vận động, tương tác và biến đổi của thế giới tự nhiên. Các biểu hiện cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và nêu được tên các sự vật, hiện tượng, khái niệm, quy luật, quá trình của tự nhiên. - Trình bày được các sự vật, hiện tượng; vai trò của các sự vật, hiện tượng và các quá trình tự nhiên bằng các hình thức biểu đạt như ngôn ngữ nói, viết, công thức, sơ đồ, biểu đồ,.... - So sánh, phân loại, lựa chọn được các sự vật, hiện tượng, quá trình tự nhiên theo các tiêu chí khác nhau. - Phân tích được các đặc điểm của một sự vật, hiện tượng, quá trình của tự nhiên theo logic nhất định. - Tìm được từ khoá, sử dụng được thuật ngữ khoa học, kết nối được thông tin theo logic có ý nghĩa, lập được dàn ý khi đọc và trình bày các văn bản khoa học. - Giải thích được mối quan hệ giữa các sự vật và hiện tượng (quan hệ nguyên nhân - kết quả, cấu tạo - chức năng, ...). - Nhận ra điểm sai và chỉnh sửa được; đưa ra được những nhận định phê phán có liên quan đến chủ đề thảo luận.
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	<p>Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về khoa học tự nhiên để giải thích những hiện tượng thường gặp trong tự nhiên và trong đời sống; những vấn đề về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; ứng xử thích hợp và giải quyết những vấn đề đơn giản liên quan đến bản thân, gia đình, cộng đồng. Các biểu hiện cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra, giải thích được vấn đề thực tiễn dựa trên kiến thức khoa học tự nhiên. - Dựa trên hiểu biết và các cứ liệu điều tra, nêu được các giải pháp và thực hiện được một số giải pháp để bảo vệ tự nhiên; thích ứng với biến đổi khí hậu; có hành vi, thái độ phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững.

Thành phần năng lực	<p style="text-align: center;">Biểu hiện</p>
Tìm hiểu tự nhiên	<p>Thực hiện được một số kỹ năng cơ bản để tìm hiểu, giải thích sự vật hiện tượng trong tự nhiên và đời sống. Chứng minh được các vấn đề trong thực tiễn bằng các dẫn chứng khoa học. Các biểu hiện cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất vấn đề, đặt câu hỏi cho vấn đề + Nhận ra và đặt được câu hỏi liên quan đến vấn đề. + Phân tích bối cảnh để đề xuất được vấn đề nhờ kết nối tri thức và kinh nghiệm đã có và dùng ngôn ngữ của mình để biểu đạt vấn đề đã đề xuất. - Đưa ra phán đoán và xây dựng giả thuyết + Phân tích vấn đề để nêu được phán đoán. + Xây dựng và phát biểu được giả thuyết cần tìm hiểu. - Lập kế hoạch thực hiện + Xây dựng được khung logic nội dung tìm hiểu + Lựa chọn được phương pháp thích hợp (quan sát, thực nghiệm, điều tra, phỏng vấn, hỏi cứu tư liệu, ...). + Lập được kế hoạch triển khai tìm hiểu. - Thực hiện kế hoạch + Thu thập, lưu giữ được dữ liệu từ kết quả tổng quan, thực nghiệm, điều tra. + Đánh giá được kết quả dựa trên phân tích, xử lý các dữ liệu bằng các tham số thống kê đơn giản. + So sánh kết quả với giả thuyết, giải thích, rút ra được kết luận và điều chỉnh khi cần thiết. - Viết, trình bày báo cáo và thảo luận + Sử dụng được ngôn ngữ, hình vẽ, sơ đồ, biểu bảng để biểu đạt quá trình và kết quả tìm hiểu. + Viết được báo cáo sau quá trình tìm hiểu. + Hợp tác được với đối tác bằng thái độ lắng nghe tích cực và tôn trọng quan điểm, ý kiến đánh giá do người khác đưa ra để tiếp thu tích cực và giải trình, phản biện, bảo vệ kết quả tìm hiểu một cách thuyết phục. - Ra quyết định và đề xuất ý kiến + Đưa ra được quyết định và đề xuất ý kiến xử lý cho vấn đề đã tìm hiểu.

Phụ lục 2: Phân phối chương trình KHTN lớp 6 của ba bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo, Cánh diều (Tham khảo)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG			CHÂN TRỜI SÁNG TẠO			CÁNH DIỀU		
Nội dung	Số tiết	Môn	Nội dung	Số tiết	Môn	Nội dung	Số tiết	Môn
Chương I: Mở đầu về KHTN (15 tiết)			Mở đầu (7 tiết)			Phần 1. GIỚI THIỆU VỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÁC PHÉP ĐO		
Bài 1. Giới thiệu về KHTN	2		Bài 1. Giới thiệu về khoa học tự nhiên	1		Chủ đề 1: Giới thiệu về khoa học tự nhiên, dụng cụ đo và an toàn thực hành (7 tiết)		
Bài 2. An toàn trong phòng thực hành	2		Bài 2. Các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên	2		1: Giới thiệu về khoa học tự nhiên	3	
Bài 3. Sử dụng kính lúp	1		Bài 3. Quy định an toàn trong phòng thực hành. Giới thiệu một số dụng cụ đo –Sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.	4		2: Một số dụng cụ đo và an toàn trong phòng học thực hành	4	
Bài 4. Sử dụng kính hiển vi quang học	1	S	Chủ đề 1. Các phép đo (10 tiết)			Chủ đề 2: Các phép đo (10 tiết)		
Bài 5. Đo chiều dài	2	L	Bài 4. Đo chiều dài	2	L	3: Đo chiều dài, khối lượng và thời gian	6	L
Bài 6. Đo khối lượng	2	L	Bài 5. Đo khối lượng	2	L	4: Đo nhiệt độ	4	L
Bài 7. Đo thời gian	1	L	Bài 6. Đo thời gian	2	L	Phần 2. CHẤT VÀ SỰ BIẾN ĐỔI CỦA CHẤT		
Bài 8. Đo nhiệt độ	2	L	Bài 7. Thang nhiệt độ Celsius. Đo nhiệt độ	3	L	Chủ đề 3: Các thể của chất (5 tiết)		
Ôn tập chương I	2		Ôn tập chủ đề 1	1	L	5: Sự đa dạng của chất	2	H
Chương II: Chất quanh ta (10 tiết)			Chủ đề 2. Các thể của chất (4 tiết)			6: Tính chất và sự chuyển thể của chất		
Bài 9. Sự đa dạng của các chất	1	H	Bài 8. Sự đa dạng và các thể cơ bản của chất. Tính chất của chất	3	H	Chủ đề 4: Oxygen và không khí (3 tiết)		
Bài 10. Các thể của chất và sự chuyển thể	3	H	Ôn tập chủ đề 2	1	H	7: Oxygen và không khí	2	H
Bài 11. Oxygen. Không khí	4	H	Chủ đề 3. Oxygen và không khí (3 tiết)			Bài tập (Chủ đề 3 và 4)	1	H
Ôn tập chương II	2	H	Bài 9. Oxygen	1	H	Chủ đề 5: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm (7 tiết)		

Chương III: Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng (8 tiết)									
Bài 12. Một số vật liệu	2	H	Ôn tập chủ đề 3	1	H	8: Một số vật liệu, nhiên liệu và nguyên liệu thông dụng	5	H	
Bài 13. Một số nguyên liệu	2	H	Chủ đề 4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)	1	H	9: Một số lương thực – thực phẩm thông dụng	2	H	
Bài 14. Một số nhiên liệu	1	H	Bài 11. Một số vật liệu thông dụng	2	H	10: Hỗn hợp, chất tinh khiết, dung dịch	3	H	
Bài 15. Một số lương thực, thực phẩm	2	H	Bài 12. Nhiên liệu và an ninh năng lượng	2	H	11: Tách chất ra khỏi hỗn hợp	2	H	
Ôn tập chương III	1	H	Bài 13. Một số nguyên liệu	1	H	Bài tập (Chủ đề 5 và 6)	1	H	
Ôn tập và kiểm tra giữa kỳ I (3 tiết)			Bài 14. Một số lương thực - thực phẩm	2	H	Ôn tập, kiểm tra giữa kỳ I (3 tiết)			
Ôn tập	1		Ôn tập chủ đề 4	1	H	Ôn tập giữa kì	1		
Kiểm tra giữa kỳ I	2		Chủ đề 5. Chất tinh khiết – Hỗn hợp – Phương pháp tách các chất (6 tiết)			Kiểm tra giữa kỳ I	2		
Chương IV: Hỗn hợp, tách chất ra khỏi hỗn hợp (5 tiết)			Bài 15. Chất tinh khiết – Hỗn hợp	3	H	Phần 3. VẬT SỐNG			
Bài 16. Hỗn hợp các chất	2	H	Bài 16. Một số phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp	2	H	Chủ đề 7: Tế bào (11 tiết)			
Bài 17. Tách chất khỏi hỗn hợp	2	H	Ôn tập chủ đề 5	1	H	12: Tế bào-Đơn vị của sự sống	6	S	
Ôn tập chương IV	1	H	Ôn tập, kiểm tra giữa kỳ I (3 tiết)			13: Từ tế bào đến cơ thể	4	S	
Chương V: Tế bào (9 tiết)			Ôn tập giữa kì	1		Bài tập (Chủ đề 7)	1	S	
Bài 18. Tế bào – đơn vị cơ bản của sự sống	2	S	Kiểm tra giữa kỳ I	2		Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống (16 tiết)			
Bài 19. Cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào	2	S	Chủ đề 6. Tế bào – Đơn vị cơ sở của sự sống (8 tiết)			14: Phân loại thế giới sống	3	S	
Bài 20. Sự lớn lên và sinh sản của tế bào	2	S	Bài 17. Tế bào	2	S	15: Khóa lưỡng phân	2	S	

Bài 21. TH: Quan sát và phân biệt một số loại tế bào	2	S	Bài 18. Thực hành quan sát tế bào sinh vật	2	S	16: Virus và vi khuẩn	3	S
Ôn tập chương V	1	S	Ôn tập chủ đề 6	1	S	17: Đa dạng nguyên sinh vật	2	S
Chương VI: Từ tế bào đến cơ thể (7 tiết)			Chủ đề 7. Từ tế bào đến cơ thể (7 tiết)			18: Đa dạng nấm	3	S
Bài 22. Cơ thể sinh vật	2	S	Bài 19. Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào	2	S	19: Đa dạng thực vật	3	S
Bài 23. Tổ chức cơ thể đa bào	2	S	Bài 20. Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào	2	S	Ôn tập và kiểm tra cuối kỳ I (4 tiết)		
Bài 24. TH: Quan sát và mô tả cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào	2	S	Bài 21. Thực hành quan sát sinh vật	2	S	Ôn tập	2	
Ôn tập chương VI	1	S	Ôn tập chủ đề 7	1	S	Kiểm tra cuối kỳ I	2	
Chương VII: Đa dạng thế giới sống (11 tiết)			Chủ đề 8. Đa dạng thế giới sống (12 tiết)			Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống (25 tiết)		
Bài 25. Hệ thống phân loại sinh vật	2	S	Bài 22. Phân loại thế giới sống	4	S	20: Vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên	4	S
Bài 26. Khóa lưỡng phân	2	S	Bài 23. Thực hành xây dựng khoá lưỡng phân	1	S	21: Thực hành phân chia các nhóm thực vật	2	S
Bài 27. Vi khuẩn	2	S	Bài 24. Virus	2	S	22: Đa dạng thực vật không xương sống	5	S
Bài 28. TH: Làm sữa chua và quan sát vi khuẩn	2	S	Bài 25. Vi khuẩn	2	S	23: Đa dạng động vật có xương sống	5	S
Bài 29. Virus	2	S	Bài 26. Thực hành quan sát vi khuẩn. Tìm hiểu các bước làm sữa chua	1	S	24: Đa dạng sinh học	4	S
Ôn tập chương 7	1	S	Bài 27. Nguyên sinh vật	2	S	25: Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	4	S
Ôn tập và kiểm tra cuối kỳ I (4 tiết)			Ôn tập và kiểm tra cuối kỳ I (4 tiết)			Bài tập (Chủ đề 8)	1	S
Ôn tập học kỳ I	2		Ôn tập	2		Ôn tập và kiểm tra giữa kỳ II (3 tiết)		
Kiểm tra cuối kỳ I	2		Kiểm tra cuối kỳ I	2		Ôn tập	1	
Chương VIII: Đa dạng thế giới sống (29 tiết)			Chủ đề 8. Đa dạng thế giới sống (26 tiết)			Kiểm tra giữa kỳ II	2	
Bài 30. Nguyên sinh vật	2	S	Bài 28. Nấm	4	S	Phần 4: NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI		
Bài 31. TH: Quan sát nguyên sinh vật	2	S	Bài 29. Thực vật	5	S	Chủ đề 9: Lực (15 tiết)		
Bài 32. Nấm	2	S	Bài 30. Thực hành phân loại thực vật	2	S	26: Lực và tác dụng của lực	5	L

Bài 33. TH: Quan sát các loại nấm	2	S	Bài 31. Động vật	6	S	27: Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc	2	L
Bài 34. Thực vật	5	S	Bài 32. Thực hành quan sát và phân loại động vật ngoài thiên nhiên	2	S	28: Lực ma sát	4	L
Bài 35. TH: Quan sát và phân biệt một số nhóm thực vật	2	S	Bài 33. Đa dạng sinh học	3	S	29: Lực hấp dẫn	4	L
Bài 36. Động vật	5	S	Bài 34. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	3	S	Chủ đề 10: Năng lượng (10 tiết)		
Bài 37. TH: Quan sát và nhận biết một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên	2	S	Ôn tập chủ đề 8	1	S	30: Các dạng năng lượng	4	L
Bài 38. Đa dạng sinh học	2	S	Chủ đề 9. Lực (15 tiết)			31: Sự chuyển hóa năng lượng	4	L
Bài 39. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	4	S	Bài 35. Lực và biểu diễn lực	2	L	32: Nhiên liệu và năng lượng tái tạo	1	L
Ôn tập chương VII	1	S	Bài 36. Tác dụng của lực (tiếp)	2	L	Bài tập (Chủ đề 9 và 10)	1	L
Ôn tập và kiểm tra giữa học kỳ II (3 tiết)			Bài 37. Lực hấp dẫn và trọng lượng	2	L	Phần 5. TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI		
Ôn tập	1		Bài 38. Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc	1	L	Chủ đề 11: Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời, Mặt Trăng; hệ Mặt Trời và Ngân Hà (11 tiết)		
Kiểm tra giữa kỳ II	2		Bài 39. Biến dạng của lò xo. Phép đo lực	3	L	33: Hiện tượng mọc và lặn của Mặt Trời	4	L
Chương VIII: Lực trong đời sống (13 tiết)			Bài 40. Lực ma sát	4	L	34: Các hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng	4	L
Bài 40. Lực là gì?	2	L	Ôn tập chủ đề 9	1	L	35: Hệ Mặt Trời và Ngân Hà	2	L
Bài 41. Biểu diễn lực	2	L	Ôn tập và kiểm tra giữa kỳ II (3 tiết)			Bài tập (Chủ đề 11)	1	L
Bài 42. Biến dạng của lò xo	2	L	Ôn tập	1		Ôn tập và kiểm tra cuối kỳ (4 tiết)		
Bài 43. Trọng lượng, lực hấp dẫn	2	L	Kiểm tra giữa kỳ II	2		Ôn tập	2	
Bài 44. Lực ma sát	2	L	Chủ đề 10. Năng lượng và cuộc sống (10 tiết)			Kiểm tra cuối kỳ II	2	
Bài 45. Lực cản của nước	2	L	Bài 41. Năng lượng	4	L			
Ôn tập chương VIII	1	L	Bài 42. Bảo toàn năng lượng và sử dụng năng lượng	5	L			
Chương IX: Năng lượng (10 tiết)			Ôn tập chủ đề 10	1	L			

		Chủ đề 11. Trái Đất và bầu trời (10 tiết)	
Bài 46. Năng lượng và sự truyền năng lượng	2	L	
Bài 47. Một số dạng năng lượng	2	L	2 L
Bài 48. Sự chuyển hóa năng lượng	2	L	3 L
Bài 49. Năng lượng hao phí	1	L	4 L
Bài 50. Năng lượng tái tạo	1	L	1 L
Bài 51. Tiết kiệm năng lượng	1	L	
Ôn tập chương IX	1	L	
Chương X: Trái đất và bầu trời (9 tiết)			
Bài 52. Chuyển động nhìn thấy của mặt trời. Thiên thể	2	L	
Bài 53. Mặt trăng	2	L	
Bài 54. Hệ mặt trời	2	L	
Bài 55. Ngân hà	2	L	
Ôn tập chương X	1		
Ôn tập và kiểm tra cuối kỳ (4 tiết)			
Ôn tập	2		
Kiểm tra cuối kỳ II	2		
Ôn tập và kiểm tra cuối kỳ (4 tiết)			
Ôn tập	2		
Kiểm tra cuối kỳ II	2		

Ghi chú: L: Vật lý; H: Hóa học; S: Sinh học